

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2023

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Ông Trần Gia Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST- HNGĐ ngày 08/11/2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T1, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Khu X, xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu Z, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Bùi Quang T2, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Khu X, xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Phan Thị T1 trình bày:

Chị và anh Bùi Quang T2 có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 chơi bời, không quan tâm tới vợ con. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ tháng 02/2022 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Bùi Quang T2.

Về con chung: Chị và anh Bùi Quang T2 có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 10/02/2016. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu và không yêu cầu anh T2 phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Quang T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không thể hiện được quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên mẹ đẻ anh Bùi Quang T2 có lời khai như sau: Bà là mẹ đẻ anh Bùi Quang T2, còn chị Phan Thị T1 là con dâu bà. Bà xác định chị T1 và anh T2 có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 có chơi bời, không chín chu làm ăn, không quan tâm tới vợ con. Chị T1 đã về nhà mẹ đẻ ở Vĩnh Phúc sinh sống từ tháng 02/2022 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó. Còn đối với anh T2 hiện nay đang đi làm ăn xa, vẫn thường xuyên liên lạc về nhà. Các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp, bà đã nhận được bà đều giao lại và thông báo lại cho anh T2. Còn anh T2 có đến Tòa án làm việc hay không thì bà không được biết. Nay chị T1 xin ly hôn anh T2, quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T1.

Về con chung: Anh T2 và chị T1 có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 10/02/2016. Hiện nay cháu B đang ở với chị T1. Khi ly hôn do cháu B còn nhỏ nên bà đề nghị giao cháu B cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh T2 chị T1 không có gì nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Phan Thị T1 được ly hôn với anh Bùi Quang T2;

Về con chung: Giao con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 10/02/2016 cho chị Phan Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bùi Quang T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 do chị T1 không yêu cầu. Anh Bùi Quang T2 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Phan Thị T1 và anh Bùi Quang T2. Bị đơn là anh Bùi Quang T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu X, xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh T2 nhưng không tổng đạt được vì anh T2 vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành xác minh và lấy lời khai của bà V (Mẹ đẻ anh T2), được chính quyền địa phương bà Trần Thị V cho biết anh T2 đã đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T2 thông qua mẹ đẻ anh T2 là bà Trần Thị V nhận thay và bà V cam kết sẽ có trách nhiệm thông báo hoặc chuyển cho anh T2. Tuy nhiên, anh T2 đều không đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao làm việc. Như vậy là anh T2 cố tình không hợp tác, việc anh T2 cố tình trốn tránh không đến Tòa có nghĩa là anh T2 từ chối quyền được trình bày tại tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T2.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T1 và anh Bùi Quang T2 có đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T1 và anh T2 sinh sống và qua lời trình bày của bà V (mẹ đẻ anh T2) xác định là do anh T2 chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm tới vợ con. Chị T1 và anh T2 đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay, chị T1 đã chuyển về sống cùng mẹ đẻ tại huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc, hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T1 và anh T2 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T1 đề nghị ly hôn với anh T2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Phan Thị T1 và anh Bùi Quang T2 có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 10/02/2016. Khi ly hôn chị T1 đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Gia B. Xét đề nghị của chị T1 là chính đáng bởi lẽ chị T1 đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Hơn nữa cháu còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu B. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, cần giao cháu Bùi Gia B cho chị Phan Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Quang T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Phan Thị T1 vì chị T1 không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Phan Thị T1 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặt khác, anh Bùi Quang T2 không đến Tòa án làm việc nên không thể hiện được quan điểm của mình về vấn đề này nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị T1 được ly hôn với anh Bùi Quang T2.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia B, sinh ngày 10/02/2016 cho chị Phan Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Bùi Quang T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 do chị T1 không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra giải quyết.

4 Về án phí: Chị Phan Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Phan Thị T1 đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002303 ngày 07/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Phan Thị T1 có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Quang T2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã Y, h.Lâm Thao;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên